TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 106/2019/DS-ST
Ngày: 28/6/2019
V/v: Hợp đồng góp hụi và vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Quốc Việt;

Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày **28** tháng **6** năm **2019** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc: "*Hợp đồng góp hụi và vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2019/QĐXXST - DSST ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc C**, sinh năm: **1968**;
Cư trú: tổ 15, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà **Đỗ Kim N**, sinh năm: **1983**.
Cư trú: Khu dân cư ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

(Tại phiên tòa bà C có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 17/01/2019 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Bà làm chủ nhiều dây hụi, trong đó có các dây hụi 500.000 đồng và 1.000.000 đồng bà Ngọc tham gia cụ thể như sau:

- Đối với dây hụi 500.000 đồng: Khởi sự ngày 21/5(al)2015, một tháng khui một lần, có 20 phần, bà N tham gia 01 phần, hốt ở lần thứ 8, chầu đến lần thứ 15 thì ngưng, còn nợ lại 05 lần hụi chầu với số tiền 2.500.000 đồng.
- Đối với dây hụi 1.000.000 đồng: Khởi sự ngày 02/10(al)2015, một tháng khui một lần, 20 phần, bà N tham gia 01 phần, hốt ở lần thứ 4, chầu đến lần thứ 5 thì ngưng, nợ lại 15 lần hụi chưa chầu với số tiền 15.000.000 đồng.

- Bên cạnh đó, bà N vay của bà Chá số tiền 2.000.000 đồng, không làm giấy tờ và cũng không nhớ ngày tháng, không có lãi vì bà hứa vài ngày sau sẽ trả nhưng đến nay không thanh toán vốn, nhiều lần bà C đến yêu cầu trả nhưng bà N không thực hiện.

Tổng số tiền hụi và vay tài sản bà C yêu cầu bà N thanh toán là 19.500.000 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Kim N được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đối chất, thông báo thay đổi thời gian đối chất nhưng bà vắng mặt không lý do, chỉ một lần tham gia hòa giải vào ngày 21/3/2019.

Tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 13/3/2019 và biên bản hòa giải ngày 21/3/2019 bà Đỗ Kim N trình bày: Bà thừa nhận thời gian trước có tham gia 01 dây hụi ngày của bà C nhưng đã kết thúc, việc chầu trả tiền hụi đã chấm dứt, sau đó bà không tham gia lại dây hụi nào khác. Nay bà C khởi kiện cho rằng bà còn nợ tiền hụi chưa chầu và vay tài sản là không có căn cứ, bà không đồng ý với khởi kiện trên của bà C.

Trong giai đoạn hòa giải, bà C rút lại một phần khởi kiện đối với phần tiền vay 2.000.000 đồng và yêu cầu ông Trần Hoàng T – chồng bà N cùng liên đới chịu trách nhiệm với phần nợ hụi số tiền 17.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà C rút lại phần khởi kiện bổ sung chỉ yêu cầu bà Đỗ Kim N chịu trách nhiệm với khoản nợ hụi và không có yêu cầu gì khác. Riêng bà N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Hợp đồng hụi và vay tài sản" nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo Điều 463 và 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Về thời hiệu – thẩm quyền: Hợp đồng hụi giữa hai bên được khởi sự lần lượt vào ngày 21/8al/2015 và 02/10al/2015, theo bà C khai, mỗi tháng khui một lần, đến khoảng tháng 7/2016 thì bà N không chầu trả hụi cho bà C, nhiều lần bà C yêu cầu nhưng không được, đến ngày 17/01/2019 bà C chính thức khởi kiện nên thời hiệu khởi

kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà C kiện về hợp đồng hụi nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 36, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2017.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên hòa giải bà N không thừa nhận là có hợp đồng góp hụi với bà C, đối với dây hụi 500.000 đ và 1.000.000đ như lời bà C trình bày mà chỉ tham gia dây hụi ngày. Tuy nhiên, khi hốt hụi xong bà đã chầu hụi chết đầy đủ cho bà C và không còn nợ bà C nữa.

Tuy nhiên qua kết quả xác minh, có thể khẳng định rằng việc bà N cho rằng không tham gia vào các dây hụi 500.000đ và 1.000.000đ do bà C làm chủ là không có căn cứ.

Thứ nhất, tại các biên bản xác minh ngày 18/4 /2019 do các bà Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Đan Ch, Trần Thị M, Lê Thị K và Nguyễn Thị Th cùng cung cấp nội dung: Vào các ngày 21/5al/2015 và 02/10al/2015 bà C có mở dây hụi 500.000 đồng và 1.000.000 đồng, gồm 20 phần. Trong hai dây hụi này bà T, bà Ch, bà M tham gia hụi 1.000.000 đồng; bà K, bà T tham gia hụi 500.000 đồng, đồng thời các bà tham gia chung với bà Đỗ Kim N (vợ T). Ngày mở hụi đầu tiên là vào 12 giờ trưa, tại nhà bà C tại khu dân cư xã Vĩnh Trường, tại đây các bà chứng kiến việc bà N đi bỏ hụi nhiều lần vào các ngày 21 và 02 tây hàng tháng. Nội dung trên đủ cơ sở xác nhận bà N có tham gia 02 dây hụi 500.000 đồng khui ngày 21/5al/2015 và hụi 02/10al/2015 do bà C làm chủ.

Thứ hai, vào mỗi lần các bà T, Ch, M, K và T đi bỏ hụi đều ghi nhận lại việc ai là người hốt hụi và đã bỏ thăm bao nhiêu tiền? Theo đó, tại các bản khai ghi nhận tại dây hụi 1.000.000 đồng bà N hốt ở lần thứ 4, bỏ thăm 370.000 đồng; dây hụi 500.000 đồng bà N hốt ở lần thứ 8, bỏ thăm 150.000 đồng. Từ chứng cứ nêu trên khẳng định bà N có đi bỏ thăm hụi và hốt hụi ở hai dây hụi nêu trên do bà C làm chủ là hoàn toàn có căn cứ.

Thứ ba, việc bà C trình bày sau khi hốt hụi bà N có chầu trả hụi được vài lần rồi ngưng không chầu tiếp nhưng do thời gian quá lâu bà không nhớ và cũng không ai chứng kiến. Tuy nhiên, việc chứng minh số tiền chầu hụi chết là trách nhiệm của bị đơn, bởi vì về mặt nguyên tắc khi hụi viên hốt hụi là phải có nghĩa vụ chầu hụi chết lại cho chủ hụi, từ đó chủ hụi chầu lại cho các hụi viên còn lại. Nếu hụi viên không thực hiện nghĩa vụ của mình thì chủ hụi phải thực hiện nghĩa vụ thay cho hụi viên và trên thực tế trong vụ án này bà C đã phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bà N là phải chầu hụi cho các hụi viên còn lại.

Điều này cũng đã được quy định tại điều 16 điều 17, khoản 1 điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ –CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, hướng dẫn về hụi họ biêu phường

Với những căn cứ vừa phân tích, đủ cơ sở chứng minh bà N từng tham gia 02 dây hụi của bà C cụ thể:

Hụi 500.000 đồng khởi sự ngày 21/5al/2015 gồm 20 phần, bà N tham gia một phần, bỏ thăm 150.000 đồng, hốt ở lần thứ 8 được 7.700.000 đồng, trừ hoa hồng 300.000 đồng còn 7.400.000 đồng, chầu được 07 (bảy) lần hụi chết thì ngưng, còn 05 lần với số tiền 2.500.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng khởi sự ngày 02/10al/2015, bà N tham gia 01 phần, bỏ thăm 370.000 đồng, hốt ở lần thứ 4 được 13.380.000 đồng, trừ hoa hồng 400.000 đồng còn lại 12.680.000 đồng, chầu được một lần hụi chết thì ngưng, còn nợ lại 15 lần với số tiền 15.000.000 đồng.

Việc xác định hụi giữa các thành viên tham gia là hụi có lãi. Tuy nhiên, các thành viên trong hai dây hụi không có tranh chấp về lãi nên HĐXX không xem xét. Khi nào các thành viên có tranh chấp thì khởi kiện, khi đó Tòa án sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng bà C cho rằng bà N vay. Tuy nhiên, trong giai đoạn hòa giải bà C rút yêu cầu đối với số tiền này nên HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện, không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí; bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, khoản 2 điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc C.

Buộc bà Đỗ Kim N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 17.500.000 đồng *(Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà N thanh toán số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Bà N phải chịu 875.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện A hoàn lại cho bà C 487.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011066 ngày 22/01/2019.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/6/2019) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thanh Hoàng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND An Phú (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Thanh Hoàng